

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VY
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2023/HS-ST
Ngày 28 tháng 7 năm 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VY, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Thu.

2. Bà Bùi Thị Thu Hằng.

Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố VY.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố VY tham gia phiên tòa:
Ông Phan Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc, Tòa án nhân dân thành phố VY xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 72/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2023, đối với bị cáo:

Khổng Tuấn L, sinh năm 2002 tại Vĩnh Phúc; trú tại: Thôn XP, xã XH, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Khổng Văn P và bà Nguyễn Thị H; vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/4/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

Bị hại: Anh Lê Văn H, sinh năm 1984; trú tại: Thôn N, xã TT, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Trần Văn H1, sinh năm 2002; trú tại: Thôn VT, xã XL, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

- Anh Lê Trung H2, sinh năm 1998; trú tại: Thôn N, xã NM, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

- Ông Kiều Văn C, sinh năm 1959; trú tại: Thôn PC, thị trấn LT, LT, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

- Chị Nguyễn Minh P, sinh năm 2004; trú tại: Thôn NS, xã NT, huyện SL, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/4/2023, Khổng Tuấn L là công nhân xây dựng cùng làm với anh Lê Văn H và biết anh H có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển số xe: 25B1 – 060.68 nên L nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe. Nhưng do L mới đến làm nên hỏi mượn xe thì anh H sẽ không cho L mượn xe. Đến khoảng 12 giờ 30 phút ngày 06/4/2023, L đến hỏi anh C có cần thêm người làm không thì anh C nói có. L nói dối là có hai người thợ đang chờ ở bến xe KQ và bảo anh C cho Linh mượn xe máy đi đón. Anh C đồng ý và cho L mượn xe máy, loại xe super cub của anh C, thì L nói xe này không chở được hai người nên anh C vào hỏi mượn chiếc xe máy trên của anh H thì được anh H đồng ý. Sau đó, anh C ra chỉ cho L vị trí anh H để chìa khóa xe và vị trí xe mô tô.

Sau khi mượn được xe, L điều khiển xe mô tô đến nhà trọ của Trần Văn H1 ở khu công nghiệp BT 2, BX, Vĩnh Phúc. Khi gặp, L nói với H1 xe do bố mua cho và hỏi H1 xem có chỗ nào cấm xe không nhưng H1 không biết. L đi xe về huyện LT, khi đi đến đoạn đường đi lên TĐ thì L dừng xe, mở cốp xe kiểm tra thấy trong cốp có đăng ký xe biển số xe: 25B1- 060.68 mang tên anh Nguyễn Văn T. Sau đó, L gặp Lê Trung H2 và hỏi H2 về địa chỉ mua bán xe cũ không. Sau đó, H2 dẫn L đến nhà ông Kiều Văn C ở TDP C, thị trấn LT, huyện LT. Tại đây, L bán xe mô tô biển số xe: 25B1- 060.68 cho ông C với số tiền 18.000.000 đồng và dặn ông C đừng bán cho ai, L sẽ quay lại trả thêm tiền mua lại xe. L cầm đủ số tiền trên, sau đó nhờ bạn là Nguyễn Trung K ở thôn NN, xã XH, huyện LT chở xuống phòng trọ của H1. Tại đây, L gặp Nguyễn Minh P và L đưa cho P số tiền 1.500.000 đồng là tiền ăn, L mua sắm quần áo hết 1.500.000 đồng và đưa cho H1 15.000.000 đồng để nạp tiền chơi game. Khi tiêu hết tiền, L gọi điện thoại cho H2 nhờ hỏi xem chỗ ông C mua bán xe còn thêm được tiền nữa không. H2 trả lời nếu bán xe cho H2 thì được 20.000.000 đồng nên L đồng ý. Ngày 07/3/2023, H2 chuyển trả cho L số tiền 2.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản 6670116869999 tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vĩnh Phúc của H2 đến tài khoản 19037388813018 tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam của Phạm Ngọc H, trú tại: xã XL, huyện LT là bạn của L, L đã rút và tiêu sài cá nhân hết số tiền trên.

Sau đó, H2 đi mua lại chiếc xe mô tô từ chỗ ông C hết 18.300.000 đồng. Ngày 08/4/2023, sau khi biết chiếc xe mô tô Honda Dream biển số xe: 25B1- 060.68 là vật chứng của vụ án, anh H2 đã tự nguyện giao nộp chiếc xe cùng với 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe cho cơ quan điều tra Công an thành phố VY.

Ngày 13/4/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố VY có bản Kết luận định giá tài sản số 48/KL-HĐĐG kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Super dream, biển số xe: 25B1 – 060.68, số máy 1499565, số khung 199552, màu sơn nâu có trị giá 34.500.000 đồng.

Lời khai của anh Lê Trung H2 tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa thể hiện: Khoảng 12 giờ ngày 06/4/2023 anh gặp L đang điều khiển xe mô tô

biển số xe 25B1-06068 và hỏi anh có biết chỗ nào cho cấm xe không thì anh chỉ về thị trấn LT có người cho cấm xe mô tô. Sau đó, anh cùng L đến nhà ông C chuyên mua bán xe máy cũ. Sau đó, L và ông C đã thỏa thuận bán xe, số tiền 18.000.000 đồng. Đến ngày 07/4/2023 L gọi cho anh (gọi qua mạng xã hội) để nhờ anh hỏi ông C xem lấy thêm tiền được bao nhiêu để bỏ lại xe. Anh gọi hỏi thì ông C nói trả thêm 2.000.000 đồng. Anh gọi cho L và thỏa thuận anh chuyển khoản cho L 2.000.000 đồng và anh lấy lại chiếc xe mô tô. Sau đó, anh đến quán ông C trả số tiền 18.300.000 đồng và lấy xe đi về. Đến ngày 08/4/2023 khi Công an đến làm việc anh mới biết nguồn gốc chiếc xe do L lừa đảo mà có nên anh tự nguyện giao nộp xe cho cơ quan điều tra. Khi bán xe L nói đó là xe do bố mua cho và xe có giấy đăng ký. Nay anh yêu cầu L phải trả lại cho anh số tiền 20.300.000 đồng tiền anh đã mua xe.

Cáo trạng số: 82/CT-VKSND -VY ngày 16/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố VY đã truy tố Khổng Tuấn L về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên và đồng ý bồi thường cho anh H2 số tiền 20.300.000 đồng.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố VY luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bị cáo L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt L từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 08/4/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo L phải bồi thường anh H2 số tiền 20.300.000 đồng.

Bị cáo không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra thành phố VY, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố VY, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 06/4/2023, Khổng Tuấn L đã có hành vi gian dối thông qua anh Chu Văn C để hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Super dream, biển số xe: 25B1 – 060.68 của anh Lê Văn H, L nói đi đón thợ về làm

cho anh C nhưng sau khi mượn được xe, L đã đem chiếc xe để đi tìm chỗ bán lấy tiền. L gặp anh Lê Trung H2 và được anh H2 giới thiệu đến bán xe mô tô cho ông Kiều Văn C. Sau đó, L đã bán chiếc xe mô tô cho ông C với giá 18.000.000 đồng, khi bán có thỏa thuận miệng với ông C là L sẽ đến mua lại chiếc xe này.

Ngày 07/4/2023, L và anh H2 đã thỏa thuận L bán lại chiếc xe mô tô cho anh H2 với giá 20.000.000 đồng, anh H2 trả thêm cho L 2.000.000 đồng và anh H2 trả cho ông C số tiền 18.300.000 đồng. Theo Kết luận định giá thì trị giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Super dream, biển số xe: 25B1 – 060.68 là 34.500.000 đồng.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phù hợp lời khai của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án cùng vật chứng đã thu giữ được và phù hợp với nội dung Cáo trạng đã được đại diện Viện kiểm sát công bố tại phiên tòa.

Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận hành vi nêu trên của bị cáo L đã phạm vào tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Khoản 1, Điều 174 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

[3] Xét tính chất của vụ án tuy ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện tính coi thường pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới đủ tác dụng đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn, vừa có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng:

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và đầu thú quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Qua xem xét hồ sơ vụ án cũng như xét hỏi công khai tại phiên tòa thấy rằng bị cáo mặc dù chưa có tiền án, tiền sự, tuổi đời còn rất trẻ nhưng thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản không phải xuất phát từ sự bông bột, thiếu hiểu biết mà trước khi gây án bị cáo đều có động cơ phạm tội và thủ đoạn được tính toán kỹ lưỡng. Tài sản trả lại cho bị hại nhưng bị cáo chưa khắc phục hậu quả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và trị giá tài sản lớn do đó cần buộc bị cáo phải cách ly khỏi cuộc sống cộng đồng ở ngoài xã hội để chấp hành hình phạt tù như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng chống đối với loại tội phạm này.

[5] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[6] Đối với những người có liên quan đến vụ án:

Đối với anh Trần Văn H1 là người ở cùng và được Không Tuấn L đưa số tiền 15.000.000 đồng để nạp tiền chơi game, quá trình điều tra xác định, H1 không biết nguồn gốc số tiền do L phạm tội mà có. H1 nghe L nói đó là tiền L bán chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Super dream, biển số xe: 25B1 – 060.68 mà bố L mua cho. H1 cũng không tham gia, giúp sức vào việc L bán xe. Số tiền L đưa cho H1, mục đích L bảo H1 chơi game, thắng thì cả hai cùng tiêu sài cá nhân, thua thì L không yêu cầu H1 phải hoàn trả tiền. H1 nạp toàn bộ số tiền L đưa vào tài khoản của H1 để chơi game Liên Quân trên điện thoại di động cá nhân và đã thua hết tiền. H1 không nhớ tài khoản truy cập và không nhớ trang mạng nào. Chiếc điện thoại H1 sử dụng để chơi game H1 đã làm rơi mất nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. Do vậy, chưa có đủ căn cứ để xử lý H1 về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có trong vụ án này và hành vi chơi game được thua bằng tiền, kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố VY tiếp tục điều tra khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với ông Kiều Văn C là người mua 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream biển số xe: 25B1- 060.68 của L với giá 18.000.000 đồng. Ông C không biết nguồn gốc xe do phạm tội mà có. Quá trình mua bán, L có viết giấy bán xe cho ông nên không đề cập xử lý đối với ông C. Ngày 07/4/2023, ông C đã bán lại chiếc xe trên cho anh Lê Trung H2 với giá 18.300.000 đồng. Xét thấy, quá trình mua bán giữa ông C và anh H2 là giao dịch dân sự ngay tình nên số tiền lời 300.000 đồng do thỏa thuận mua bán của hai bên nên không truy thu.

Đối với anh Lê Trung H2 là người đã mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Super dream, biển số xe: 25B1 – 060.68, quá trình điều tra xác định anh H2 là người trực tiếp đưa L đến nhà ông C để bán xe mô tô, L nói với H2 là xe mô tô của bố L mua cho, anh H2 không biết chiếc xe trên là do L phạm tội mà có. Sau đó, anh H2 đã mua lại chiếc xe trên của ông C với số tiền 18.300.000 đồng và trả thêm 2.000.000 đồng cho L để sử dụng làm phương tiện đi lại. Do vậy, Cơ quan cơ điều tra Công an thành phố VY không đề cập xử lý đối với anh H2 trong vụ án này.

Đối với anh Chu Văn C là người hỏi mượn xe máy của anh Lê Văn H cho Không Tuấn L đi, quá trình điều tra xác định, anh C không biết mục đích của L mượn xe của anh H rồi mang đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân, anh C không tham gia bàn bạc, không giúp sức và không được hưởng lợi ích từ việc này nên Cơ quan điều tra Công an thành phố VY không đề cập xử lý đối với anh C.

Đối với chị Nguyễn Minh P là người được L đưa cho số tiền 1.500.000 đồng để mua đồ ăn, quá trình điều tra xác định chị P không biết nguồn gốc số tiền L đưa là do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra Công an thành phố VY không đề cập xử lý Phương trong vụ án này.

Đối với anh Phạm Ngọc H là người cho L mượn tài khoản 19037388813018 tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam để nhận chuyển khoản số tiền 2.000.000 đồng từ anh Lê Trung H2, quá trình điều tra xác định H không biết là tiền L bán xe do phạm tội mà có. Sau đó, L đã cầm thẻ của H đi rút hết số tiền trên nên Cơ quan điều tra Công an thành phố VY không đề cập xử lý đối với H trong vụ án này.

[7] Vật chứng của vụ án: Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream biển số xe: 25B1- 060.68 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn T, địa chỉ: Tổ 22, phường TP, thị xã LC, tỉnh Lai Châu. Quá trình điều tra xác định khoảng đầu năm 2023, do không có nhu cầu sử dụng chiếc xe nên anh đã bán chiếc xe mô tô này cho anh Lê Văn H với giá 35.000.000 đồng nên Cơ quan điều tra Công an thành phố VY đã trả lại cho anh Lê Văn H. Quá trình điều tra anh H đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, anh H2 yêu cầu L phải bồi thường cho anh số tiền 20.300.000 đồng, L đồng ý bồi thường. Xét yêu cầu bồi thường của anh H2 là chính đáng nên buộc bị cáo L phải bồi thường cho anh H2 số tiền này.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Khổng Tuấn L phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Khổng Tuấn L 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/4/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Khổng Tuấn L phải bồi thường cho anh Lê Trung H2 số tiền 20.300.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Khổng Tuấn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.015.000 đồng án phí dân sự trong hình sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố VY;
- Công an thành phố VY;
- Trại tạm giam - CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục Thi hành án DS VY;
- Thi hành án Hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thanh Hoài